TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Ngọc Cư

Ông Nguyễn Như Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Ngọc Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa***: Bà Đàm Thị Tú – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T . (NCB).

Trụ sở: Số X, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P T – Trưởng phòng Tố tụng Xử lý nợ.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Đình C, bà Lê Ngọc L, ông Huỳnh Tuấn V. (Theo Giấy ủy quyền số: 440/2022/UQ-NCB ngày 09/11/2022). (Ông Dương Đình C có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần S .

Trụ sở: Số X, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc D – Tổng giám đốc. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1, Ông Nguyễn Ngọc V , sinh năm 1954. (Vắng mặt)

3.2, Bà Lê Thị Minh P , sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Cùng HKTT: Số Y, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

3.3, Bà Lê Kim T , sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số Đ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn - NCB, và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Hợp đồng tín dụng:

Ngày 19/3/2015, Công ty Cổ phần S cùng với Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Nội (NCB) đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11 và Khế ước nhận nợ lần 01, theo đó khách hàng đã vay NCB cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 2.180.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng chẵn)*;
- Mục đích vay: Tài trợ bù đắp tiền mua và cải tạo lại du thuyền, bến du thuyền Potomac;
- Ngày nhận nợ: 19/3/2015;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên;
- Lãi suất vay (LSV):

a) LSV kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 10,5%/năm;

b) Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, LSV sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau:

+ Sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên; hoặc:

+ Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất cơ bản của loại tiền mà khách hàng đang vay; hoặc:

+ Khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay, mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật) tăng lên;

c) Trong trường hợp thay đổi LSV thì LSV mới được tính như sau:

+ LSV bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (hoặc 11 tháng, nếu khách hàng vay bằng vàng) của loại tiền/vàng mà khách hàng đang vay, loại lãnh lãi cuối kỳ và bậc thang cao nhất áp dụng cho khách hàng cá nhân mà NCB công bố tại thời điểm thay đổi LSV cộng (+) 3,5%/năm;

+ Trường hợp khoản vay mà theo quy định của Ngân hàng Nhà nước bị khống chế bởi lãi suất vay tối đa thì LSV sau khi thay đổi nếu lớn hơn LSV tối đa thì tính LSV bằng với LSV tối đa;

- Lãi suất phạt quá hạn bằng (=) 150% LSV.

Ngày 19/3/2015, NCB đã giải ngân cho Công ty Cổ phần S số tiền 2.180.000.000 đồng.

2. Tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty Cổ phần S đã thế chấp, cầm

cố những tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp P tiện vận tải số 003/15/HĐTC-PTVT/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận thế chấp là NCB và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần S . Tài sản bảo đảm là: 01 tàu khách Potomac vỏ thép do Việt Nam sản xuất năm 2000 - Cấp P tiện VRS II, Giấy chứng nhận đăng ký P tiện thủy nội địa số 1527/ĐK ngày 22/10/2014 do Sở Giao thông vận tại thành phố Hà Nội cấp cho chủ P tiện là Công ty Cổ phần S .

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 001/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là ông Nguyễn Ngọc V . Theo đó, ông Nguyễn Ngọc V đã cầm cố 30.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc V cho NCB.

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 002/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là bà Lê Thị Minh P . Theo đó, bà Lê Thị Minh P đã cầm cố 27.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Thị Minh P cho NCB.

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 003/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là bà Lê Kim T . Theo đó, bà Lê Kim T đã cầm cố 3.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Kim T cho NCB.

Toàn bộ các tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 19/3/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần S đã thanh toán cho NCB tổng số tiền là 1.130.456.896 đồng, trong đó: nợ gốc đã trả là 777.000.000 đồng, nợ lãi đã trả là 353.456.896 đồng.

NCB đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp với Công ty Cổ phần S để yêu cầu trả nợ, Công ty đã nhận được các Thông báo nhưng thực hiện trả nợ không đầy đủ. Khoản nợ chuyển quá hạn từ ngày 25/01/2017.

Ngân hàng T đề nghị tòa án xem xét giải quyết:

1. Buộc Công ty Cổ phần S thanh toán cho Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 04/01/2023 là **3.105.697.182 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ một trăm linh năm triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn một trăm tám mươi hai đồng)***, trong đó: nợ gốc 1.403.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 300.199.332 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.131.599.321 đồng và lãi phạt chậm trả là 270.898.529 đồng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11 ký ngày 19/3/2015 và Khế ước nhận nợ Lần 01 ký ngày 19/3/2015.

2. Buộc Công ty Cổ phần S thanh toán cho Ngân hàng T số tiền lãi phát sinh từ ngày 05/01/2023 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11 ký ngày 19/3/2015 và Khế ước nhận nợ Lần 01 ký ngày 19/3/2015.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần S không thực hiện hoặc thực hiện

không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng T được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng T . Tài sản bảo đảm gồm có:

- 01 tàu khách Potomac vỏ thép do Việt Nam sản xuất năm 2000 - Cấp P tiện VRS II, Giấy chứng nhận đăng ký P tiện thủy nội địa số 1527/ĐK ngày 22/10/2014 do Sở Giao thông vận tại Thành phố Hà Nội cấp cho chủ P tiện là Công ty Cổ phần S .

- 30.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc V .

- 27.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Thị Minh P .

- 3.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Kim T .

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, nhưng không có mặt, không tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, các bên trình bày ý kiến như sau:

- *Nguyên đơn:* Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả lãi tính đến ngày 06/02/2023 là 275.866.272 đồng và số tiền lãi phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 07/02/2023 cho đến khi bị đơn tất toán toàn bộ khoản vay.

Các yêu cầu khởi kiện còn lại, nguyên đơn vẫn giữ nguyên và đề nghị bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/02/2023 là 2.870.960.310 đồng, bao gồm:

Số tiền nợ gốc: 1.403.000.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 300.199.332 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 1.167.760.977 đồng

Buộc bị đơn thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11, kể từ ngày 24/02/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng T được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng T . Tài sản bảo đảm gồm có:

- 01 tàu khách Potomac vỏ thép do Việt Nam sản xuất năm 2000 - Cấp P tiện VRS II, Giấy chứng nhận đăng ký P tiện thủy nội địa số 1527/ĐK ngày 22/10/2014 do Sở Giao thông vận tại Thành phố Hà Nội cấp cho chủ P tiện là Công ty Cổ phần S .

- 30.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc V .

- 27.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Thị Minh P .

- 3.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Kim T .

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T .

- Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Việc Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi, đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về đòi số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn. Trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ nêu trên thì chấp nhận để Ngân hàng làm thủ tục xử lý tài sản thế chấp. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Đơn khởi kiện của Ngân hàng T yêu cầu đòi lại số tiền nợ gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11 được ký kết giữa Công ty Cổ phần S cùng với Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Nội. Nguyên đơn và bị đơn là hai chủ thể có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, Toà án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty Cổ phần S có trụ sở tại: Số 5 dốc An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Việc Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải

quyết về tranh chấp Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Công ty Cổ phần S , ông Nguyễn Ngọc V , bà Lê Thị Minh P , bà Lê Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung:

1. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11 ngày 19/3/2015 và Khế ước nhận nợ lần 01 được kí giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần S :

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng tín dụng hai bên đã kí cùng với khế ước nhận nợ, các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện: Ngân hàng T – Chi nhánh Hà Nội đã cho Công ty Cổ phần S vay số tiền 2.180.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ bù đắp tiền mua và cải tạo lại du thuyền, bến du thuyền Potomac; Hình thức giải ngân: Chuyển khoản; Thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên (19/3/2015); Thanh toán nợ gốc (vào ngày 25 hàng tháng, kể từ 25/4/2015) làm 60 kỳ, từ kỳ 01 đến 59 mỗi kỳ thanh toán 36.350.000 đồng, kỳ 60 thanh toán 35.350.000 đồng; Lãi suất vay (LSV) được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng, kể từ 25/4/2015, mức lãi suất được xác định như sau:

- LSV kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 10,5%/năm;

- Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, LSV sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau:

+ Sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên; hoặc:

+ Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất cơ bản của loại tiền mà khách hàng đang vay; hoặc:

+ Khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay, mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật) tăng lên;

- Trong trường hợp thay đổi LSV thì LSV mới được tính như sau:

+ LSV bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (hoặc 11 tháng, nếu khách hàng vay bằng vàng) của loại tiền/vàng mà khách hàng đang vay, loại lãnh lãi cuối kỳ và bậc thang cao nhất áp dụng cho khách hàng cá nhân mà NCB công bố tại thời điểm thay đổi LSV cộng (+) 3,5%/năm;

+ Trường hợp khoản vay mà theo quy định của Ngân hàng Nhà nước bị khống chế bởi lãi suất vay tối đa thì LSV sau khi thay đổi nếu lớn hơn LSV tối đa thì tính LSV bằng với LSV tối đa;

- Lãi suất phạt quá hạn bằng (=) 150% LSV.

Do bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có

mặt để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa xét xử vụ án; Không giao nộp tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc xác lập Hợp đồng tín dụng; Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: "…*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh."* Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, thể hiện đầy đủ ý chí của các bên tham gia hợp đồng, đúng với các quy định của pháp luật và có hiệu lực thi hành.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cho đến hiện tại bị đơn mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 1.130.456.896 đồng (Một tỷ, một trăm ba mươi triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, tam trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc đã trả là 777.000.000 đồng, nợ lãi đã trả là: 353.456.896 đồng. Tính đến ngày 24/02/2023 Công ty Cổ phần S còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 2.870.960.310 đồng, trong đó:

Số tiền nợ gốc: 1.403.000.000 đồng;

Số tiền nợ lãi trong hạn: 300.199.332 đồng

Số tiền nợ lãi quá hạn: 1.167.760.977 đồng.

Tại phiên tòa Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả lãi tính đến ngày 06/02/2023 là 275.866.272 đồng và số tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 07/02/2023 cho đến khi bị đơn tất toán toàn bộ khoản vay. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với thỏa thuận giữa các bên đã được kí kết trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn là Công ty Cổ phần S phải thanh toán tổng số tiền: 2.870.960.310 đồng; trong đó nợ gốc là 1.403.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 300.199.332 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.167.760.977 đồng của Ngân hàng T là có cơ sở để chấp nhận.

2. Về Hợp đồng thế chấp P tiện vận tải số 003/15/HĐTC-PTVT/104-11 ký ngày 19/3/2015; Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 001/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015; Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 002/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là bà Lê Thị Minh P ; Hợp đồng cầm cố chứng khoán

số 003/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015.

Tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11 ngày 19/3/2015 thể hiện tài sản bảo đảm cho khoản vay của bị đơn là:

- 01 tàu khách Potomac sản xuất năm 2000 tại Việt Nam, vật liệu thép, số khách 300, cấp P tiện VRS II, chủ P tiện là Công ty Cổ phần S .

- 30.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc V , theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 001/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là ông Nguyễn Ngọc V .

- 27.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Thị Minh P , theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 002/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là bà Lê Thị Minh P .

- 3.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Kim T , theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 003/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là bà Lê Kim T .

Do bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bên thế chấp, cầm cố tài sản vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu chứng cứ liên quan; Nên Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố dụng dân sự để xác định: Việc ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản và các Hợp đồng cầm cố chứng khoán giữa các bên đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật về nội dung, hình thức, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ, có hiệu lực thi hành.

Vì Công ty Cổ phần S không thực hiện đúng thời hạn nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xử lý, phát mại tài sản thế chấp đảm bảo để thu hồi nợ là có căn cứ pháp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nội dung các bên đã cam kết nêu trong hợp đồng thế chấp tài sản và các hợp đồng cầm cố chứng khoán. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng, cụ thể:

Trong trường hợp Công ty Cổ phần S không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nói trên cho Ngân hàng, thì: 01 tàu khách Potomac sản xuất năm 2000 tại Việt Nam, vật liệu thép, số khách 300, cấp P tiện VRS II, chủ P tiện là Công ty Cổ phần S ; 30.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc V ; 27.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Thị Minh P ; 3.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Kim T sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng T theo Luật Thi hành án Dân sự.

[4]. Về án phí:

Công ty Cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo;

- Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty Cổ phần S theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 003/15/HĐTD/104-11 ngày 19/3/2015.

2. Buộc Công ty Cổ phần S phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 2.870.960.310 đồng *(Hai tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, ba trăm mười đồng)* tính đến ngày 24/02/2023, cụ thể:

- Số tiền nợ gốc: 1.403.000.000 đồng;

- Số tiền nợ lãi trong hạn: 300.199.332 đồng

- Số tiền nợ lãi quá hạn: 1.167.760.977 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 24/02/2023, Công ty Cổ phần S vẫn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký đối với khoản nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi.

4. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần S không trả đủ khoản nợ được quy định tại mục 2 quyết định này thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự để thu hồi nợ theo Luật thi hành án dân sự, cụ thể:

- 01 tàu khách Potomac sản xuất năm 2000 tại Việt Nam, vật liệu thép, số khách 300, cấp P tiện VRS II, chủ P tiện là Công ty Cổ phần S . Theo Hợp đồng thế chấp P tiện vận tải số 003/15/HĐTC-PTVT/104-11 ký ngày 19/3/2015 và Biên bản xem xét thẩm định ngày của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ đối với tài sản thế chấp.

- 30.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc V , theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 001/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là ông Nguyễn Ngọc V .

- 27.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Thị Minh P , theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 002/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là bà Lê Thị Minh P .

- 3.000 cổ phần của Công ty Cổ phần S thuộc sở hữu của bà Lê Kim T , theo Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 003/15/HĐCC-CK/104-11 ký ngày 19/3/2015 giữa Bên nhận cầm cố là NCB và Bên cầm cố là bà Lê Kim T .

5. Nếu Công ty Cổ phần S trả được toàn bộ số nợ quy định tại mục 2 của quyết định này thì Ngân hàng T phải trả lại giấy tờ nhận thế chấp tại mục 3 quyết định này và làm thủ tục giải chấp ngay cho Công ty Cổ phần S , ông Nguyễn Ngọc V , bà Lê Thị Minh P , bà Lê Kim T .

6. Sau khi xử lý các tài sản thế chấp tại mục 3 quyết định này mà chưa trả được hết nợ tại mục 2 của quyết định này thì Công ty Cổ phần S phải tiếp tục trả cho đến khi trả xong.

7. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần S phải chịu 89.419.206 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 32.500.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 3936 ngày 13/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS/VP.

Nguyễn Thị Diệp